

Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2014

ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG NỘI DUNG
Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2014

Căn cứ cuộc họp thống nhất giữa Ban giám hiệu, Ban thường vụ Đảng ủy, Ban thường vụ Công đoàn ngày 30/5/2014, nay lãnh đạo nhà trường thông báo việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2014, của trường Cao đẳng Bến Tre như sau:

I. Phần thu

1. Trang 4 tại điểm a khoản 1 điều 6: Thu học phí

Bổ sung các căn cứ pháp lý và điều chỉnh nội dung:

- Căn cứ Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính Phủ quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010- 2011 đến năm học 2014-2015.

- Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bến Tre về việc quy định mức thu học phí tín chỉ đối với các lớp cao đẳng chính quy khóa học 2012 – 2015.

- Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bến Tre về việc quy định mức thu học phí tín chỉ đối với các lớp cao đẳng chính quy khóa học 2013 – 2016.

Nội dung quy định được điều chỉnh như sau:

Bỏ cụm từ: “+ Hệ chính qui từ năm 2013 đến 2015 như sau:”, thay thế bằng cụm từ “+ Hệ chính quy:”

“Mức học phí thu theo niên chế:”, bổ sung cụm từ: “năm học 2013 – 2014, 2014 – 2015 như sau:”

Bỏ cụm từ: “Mức học phí thu theo tín chỉ hệ Cao đẳng từ năm học 2012 – 2013 đến năm học 2014 – 2015”, thay thế bằng cụm từ:

“Mức học phí thu theo tín chỉ hệ Cao đẳng khóa học 2012 – 2015”

Và mức thu được điều chỉnh như sau:

Stt	Nhóm ngành học	Mức học phí (đồng/tín chỉ)		
		Lý thuyết	Thực hành	Thực tập tại xưởng/thực tập tốt nghiệp

1	- Tài chính – Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Kế toán, - Công nghệ Chế biến thủy sản - Việt Nam học - Tiếng Anh	98.000 (mức cũ 100.000)	123.000 (mức cũ 124.000)	139.000 (mức cũ 140.000)
2	- Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử - Công nghệ kỹ thuật Xây dựng - Công nghệ kỹ thuật Ô tô - Tin học ứng dụng	109.000 (mức cũ 110.000)	136.000 (mức cũ 138.000)	154.000 (mức cũ 156.000)

Áp dụng từ 19/5/2014

Bổ sung nội dung:

Mức học phí thu theo tín chỉ hệ Cao đẳng khóa học 2013 – 2016

Stt	Nhóm ngành học	Mức học phí (đồng/tín chỉ)		
		Lý thuyết	Thực hành	Thực tập tại xưởng/thực tập tốt nghiệp
1	- Quản trị kinh doanh - Kế toán, - Công nghệ Chế biến thủy sản - Tiếng Anh	106.000	133.000	151.000
2	- Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử - Công nghệ kỹ thuật Xây dựng - Công nghệ kỹ thuật Ô tô - Tin học ứng dụng	120.000	149.000	169.000

Bổ sung thêm nội dung sau cụm từ: “+ Hệ vừa làm vừa học:”

Mức học phí thu theo niên chế:

Bổ sung nội dung:

Mức học phí thu theo tín chỉ hệ Cao đẳng khóa học 2013 – 2016:

Nhóm ngành học	Mức học phí (đồng/tín chỉ)		
	Lý thuyết	Thực hành	Thực tập tại xưởng/thực tập tốt nghiệp
Mầm non	190.000	237.000	268.000

2. Trang 6, tại khoản 6 điều 6: Thu học phí, lệ phí đào tạo các lớp sơ cấp nghề lái xe

Bổ sung căn cứ pháp lý:

Căn cứ Thông báo số 48/TB-CĐBT ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Trường Cao đẳng Bến Tre về việc điều chỉnh mức thu học phí lớp lái xe mô tô hạng A1.

Tại mục a) Mức thu học phí trong năm 2012-2013:

Điều chỉnh như sau:

a) Mức thu học phí các lớp sơ cấp nghề lái xe như sau:

- Học phí A1: 110.000 đ/HV/Khóa

+Lý thuyết: 70.000 đ

+Thực hành: 40.000 đ

(Áp dụng từ ngày 01/6/2014)

3. Trang 7, tại tiết b, khoản 6 điều 6: Thu lệ phí từ các trường hợp học lại học phần đào tạo lái xe hạng A3, A4, B1, B2, D:

Bổ sung vào dòng cuối cùng tiết b như sau: “Đối với các trường hợp đã thi tốt nghiệp lần 1 nhưng chưa hoàn tất một trong hai phần trên hoặc không đạt khi thi lần 2 thì sẽ đóng lệ phí thi như lần 1.”

4. Trang 8, khoản 7 điều 6: Các khoản thu lệ phí khác:

“- Vở bằng tốt nghiệp: 30.000 đ/cái”, điều chỉnh: “- Vở bằng tốt nghiệp: 35.000 đ/cái”

(Áp dụng từ ngày 01/6/2014)

5. Trang 8, khoản 8 điều 6: Thu khác:

- Phí giữ xe máy HSSV nội trú: 15.000 đ/HSSV/tháng

- Phí giữ xe đạp HSSV nội trú: 10.000 đ/HSSV/tháng”

Điều chỉnh tăng như sau:

- Phí giữ xe máy HSSV nội trú: 20.000 đ/HSSV/tháng

- Phí giữ xe đạp HSSV nội trú: 15.000 đ/HSSV/tháng”

(Áp dụng từ 01/7/2014)

II. Phần chi

1. Trang 12, cuối nội dung: Chi cho đào tạo các lớp dạy nghề sơ cấp lái xe

Bổ sung nội dung:

“- Bồi dưỡng cho CBVC trường và các trung tâm liên kết đào tạo các huyện khi giới thiệu học viên vào học lái xe ô tô là 30.000 đ/hồ sơ. Đối với CBVC ở bộ phận tuyển sinh sẽ được hưởng từ hồ sơ thứ 71-80/học viên/lớp, mỗi hồ sơ 15.000 đ.

(Áp dụng từ khóa 3/2014)

2. Trang 14, tại khoản 2 điều 7 mục 2: Chi học bổng

Bổ sung thêm căn cứ pháp lý:

“- Căn cứ vào quyết định số 135/QĐ-CĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề và sinh viên hệ Cao đẳng.

Căn cứ vào quyết định số 278/QĐ-CĐBT ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Quyết định số 135/QĐ-CĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề và sinh viên hệ Cao đẳng.

3.Trang 19, tại tiết c.1 điểm c khoản 6 điều 7 mục 2: Chi tiền điện thoại

- Các phòng, khoa:

Bổ sung và điều chỉnh như sau:

+ Khoa KT-TC, P. HC-TH, P. KH-TC, P. CT-HSSV, Phòng Quản trị, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục: 400.000 đ/tháng.”

+ Khoa TC-BD, Khoa Sư phạm, Phòng NCKH-QHQT, phòng Đào tạo: 350.000đ/tháng.

4.Trang 26, tại khoản 11 điều 7 mục 2: Chi đoàn ra

Bỏ: “Thông tư số 91/2005/TT- BTC ngày 18 tháng 10 năm 2005 về việc qui định chế độ công tác phí cho CBCC Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí”, thay bằng: “Thông tư số 102/2012/TT- BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính qui định chế độ công tác phí cho CBCC Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí”.

Điều chỉnh tăng mức chi như sau:

- Tiền thuê phòng nghỉ có mức khoán tùy theo từng nước tại phụ lục của Thông tư này, nhưng mức thấp nhất tiền thuê phòng nghỉ là 60 USD/người/ngày và mức cao nhất là 80 USD/người/ngày.

- Tiền ăn và tiêu vặt có mức khoán tùy theo từng nước, nhưng mức thấp nhất là 50 USD/người/ngày và mức cao nhất là 75 USD/người/ngày (trong đó tiền tiêu vặt là 20 USD/người/ngày, áp dụng cho cả hai mức trên).

5.Trang 28, tại mục a khoản 13 điều 7 mục 2: Mua sắm

Điều chỉnh mức phê duyệt mua sắm của Hiệu trưởng và cơ quan có thẩm quyền:

“- Mua sắm trang thiết bị dụng cụ có giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng, lãnh đạo trường phê duyệt giá theo đề nghị của phòng KH – TC.

- Trường hợp mua sắm trang thiết bị có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên phải trình Sở Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá trần để tổ chức mua sắm theo qui định.”

6.Trang 29, tại mục b khoản 13 điều 7 mục 2: Sửa chữa lớn

Bỏ dấu + gạch đầu dòng thứ 1, nội dung này đem xuống mục c) sửa chữa thường xuyên và điều chỉnh giá trị sửa chữa: từ 2.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng.

Điều chỉnh, bổ sung:

+ Nếu khối lượng sửa chữa ô tô có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng phải tổ chức thẩm định trình trạng kỹ thuật xe (Có Hội đồng thẩm định với sự tham gia của Sở Tài chính và một đơn vị có chức năng am hiểu về kỹ thuật ô tô), giá sửa chữa do lãnh đạo trường phê duyệt theo giá đề nghị của phòng KH – TC.

+ Nếu khối lượng sửa chữa ô tô có giá trị trên 100 triệu đồng phải tổ chức thẩm định trình trạng kỹ thuật xe và thẩm định giá trần để tổ chức đấu thầu sửa chữa theo qui định hiện hành (có Hội đồng thẩm định và đấu thầu với sự tham gia của Sở Tài chính và một đơn vị có chức năng am hiểu về kỹ thuật ô tô)."

7.Trang 29, tại mục c khoản 13 điều 7 mục 2: Sửa chữa thường xuyên

Tại nội dung sửa chữa nhỏ, phát sinh, thường xuyên:

Bổ sung sau cụm từ: "Phòng quản trị xem xét sửa chữa", cụm từ: "và lập thủ tục".

8.Trang 32, khoản 14 điều 7 mục 2: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn

Bổ sung mục j: Định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô phục vụ cho hoạt động lái xe cơ giới đường bộ hạng B2.

Thực hiện theo Quyết định số 1143/QĐ-CĐBT ngày 21 tháng 10 năm 2013 về việc ban hành quy định định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô phục vụ cho hoạt động lái xe cơ giới đường bộ hạng B2.

9.Trang 32, tại tiết b.1: Kiến tập, đi thực tế bộ môn

Bổ sung thêm cụm từ: "áp dụng cho hệ Cao đẳng" vào sau cụm từ: "Kiến tập, đi thực tế bộ môn",

Bỏ cụm từ: "năm cuối" trong "việc đi kiến tập của HSSV"

10.Trang 32, tại tiết b.3: Thực tập tốt nghiệp

Bỏ nội dung: "+ Tiền tàu xe (lượt đi và về) của cán bộ hướng dẫn đoàn theo quy định chế độ công tác phí.", thay thế bằng: "+ Cán bộ hướng dẫn đoàn được thanh toán theo chế độ công tác phí theo qui định."

11.Trang 34, tại tiết c.4 mục c khoản 15 điều 7 mục 2: Thực tập sư phạm ngành GDTH năm III (TTSP tập trung 8 tuần)

Bổ sung sau cụm từ: "Theo số tiết thực tế hướng dẫn cho mỗi SV", cụm từ: "8 tiết/SV"

12.Trang 35, tại mục e khoản 15 điều 7 mục 2: Chi lệ phí thi tốt nghiệp các lớp đào tạo lái xe hạng B2 như sau

Tại nội dung: Ôn thi, coi thi, chấm thi:

Bổ sung: "Trưởng ban coi thi, chấm thi: 60.000 đ/buổi"

Và điều chỉnh đơn giá: Hội đồng thi, Ban thư ký, Phục vụ "/ngày" thành "/buổi"

Bổ sung thêm nội dung: “Phục vụ”:

Bổ sung nội dung: “ Chi bồi dưỡng cho giám sát tốt nghiệp, giám khảo sát hạch và thư ký thi tốt nghiệp lái xe hạng B2 thực hiện theo kế hoạch và dự trù kinh phí từng khóa được Ban lãnh đạo nhà trường phê duyệt.”

13.Trang 36, tại mục j: Các Trung tâm trực thuộc trường, các lớp đào tạo ngắn hạn

Cuối nội dung gạch đầu dòng thứ nhất, Bổ sung nội dung: “Việc lập kế hoạch và dự toán kinh phí do đơn vị tổ chức hoạt động đào tạo các lớp ngắn hạn thực hiện, trình Ban lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đào tạo các lớp ngắn hạn được cân đối dựa theo bảng dự toán kinh phí đã được Ban lãnh đạo phê duyệt trước đó. Khi thanh quyết toán đối với hoạt động đào tạo các lớp ngắn hạn, đơn vị thực hiện phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh theo quy định”

14.Trang 37, cuối mục j (đầu mục k)

Bỏ cụm từ: “Đối với các lớp Nghiệp vụ sư phạm, Bảo mẫu,...: Khoa Sư phạm”, thay thế bằng cụm từ: “Đối với hoạt động đào tạo các lớp ngắn hạn (cán bộ quản lý, nghiệp vụ sư phạm, chủ nhóm trẻ, kế toán, kê khai thuế và các lớp ngắn hạn khác do các Khoa, Trung tâm tổ chức thực hiện)

Nội dung điều chỉnh, bổ sung này được thông báo rộng rãi đến CBVC từng đơn vị trực thuộc và đăng trên website trường.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thành Công